

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN HUỆ YÊN

**ẨM DỤ TU TỪ
TRONG THƠ TỔ HỮU**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ HỌC

THÁI NGUYÊN - 2008

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN HUỆ YÊN

**ẪN DỤ TU TỪ
TRONG THƠ TỔ HỮU**

Chuyên ngành : Ngôn ngữ học

Mã số : 60 22 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hà Quang Năng

THÁI NGUYÊN – 2008

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT: NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN VĂN</i>	5
1.1. Khái niệm về ẩn dụ	5
1.2. Các kiểu ẩn dụ	9
1.3. Đặc điểm của ẩn dụ tu từ	17
1.4. Một số nét khái quát về nhà thơ Tố Hữu	23
<i>Chương 2: ĐẶC ĐIỂM ẨN DỤ TU TỪ TRONG THƠ TỐ HỮU</i>	29
2.1. Thống kê, phân loại về ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu	29
2.2. Tính chất của hình ảnh ẩn dụ trong thơ Tố Hữu	51
<i>Chương 3: CHỨC NĂNG CỦA ẨN DỤ TRONG THƠ TỐ HỮU</i>	60
3.1. Chức năng xây dựng hình tượng	60
3.2. Chức năng biểu cảm	69
3.3. Chức năng thẩm mỹ	75
3.4. Chức năng nhận thức	81
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	94
PHỤ LỤC	99

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Tố Hữu là một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca Việt Nam hiện đại, là người mở đầu và dẫn đầu tiêu biểu của nền thơ ca cách mạng. Suốt cuộc đời gắn bó với hoạt động cách mạng và sáng tạo thơ ca, ông đã thực sự tạo nên được niềm yêu mến, nổi đam mê bền chắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả. Ông là người đã đem đến cho công chúng và cũng nhận được từ họ sự đồng cảm, đồng điệu, đồng tình tuyệt diệu. Tố Hữu là hình ảnh tiêu biểu của một kiểu nhà thơ mới - nhà thơ trữ tình chính trị. Con đường thơ của Tố Hữu song hành cùng quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

1.2. Sự nghiệp sáng tác đồ sộ của Tố Hữu là một bộ phận không thể thiếu trong vốn văn hóa tinh thần của quần chúng Cách mạng. Trong hơn nửa thế kỉ qua, thơ Tố Hữu luôn có mặt trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn ở các cấp học. Thơ ông đã "đốt lửa" và "truyền lửa" tới muôn triệu trái tim bạn đọc. Đồng thời, thơ Tố Hữu đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà nghiên cứu, phê bình có tên tuổi trong nước cũng như nước ngoài. Thơ Tố Hữu được nghiên cứu từ nhiều góc độ, bình diện khác nhau. Tố Hữu được đánh giá là "nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại" [26, tr. 407].

1.3. Thơ Tố Hữu "bắt rễ sâu và hấp thu sức mạnh trong nguồn mạch dân tộc, thể hiện sự thống nhất cao độ giữa cách mạng và dân tộc trong hình thức tươi đẹp của nghệ thuật. Ông tiếp thu được cả hai nguồn thơ ca dân gian và bác học, đã kế tục sáng tạo nhiều thể thơ dân tộc, thực hiện sự thống nhất dân tộc - hiện đại trong nghệ thuật" [26, tr. 407]. Không cố công đi tìm hình thức biểu hiện trong sự gọt giũa câu kì hay những kỹ xảo thơ ca mà ông có ý thức về sự kết hợp giữa dân tộc, truyền thống và hiện đại. Cái hiện đại trong thơ ông được thể hiện nhuần nhuyễn trên nền truyền thống và dân tộc. Ông rất

dân tộc khi trở về với thơ ca dân gian, với thơ ca yêu nước. Ông quan tâm đến hình ảnh, ngôn ngữ và nhạc điệu trong thơ.

1.4. Chọn đề tài "*Ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu*", luận văn mong muốn làm rõ thế giới nghệ thuật độc đáo trong thơ Tố Hữu, đồng thời góp phần nhìn nhận và đánh giá đầy đủ hơn về những đóng góp của nhà thơ ở phương diện nghệ thuật. Nghiên cứu "*Ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu*" cũng để làm rõ những giá trị, những kinh nghiệm và truyền thống của phương thức tu từ mà người thi sĩ cách mạng này đã từng khai phá và sáng tạo.

1.5. Đã có nhiều công trình, luận án, luận văn quan tâm đánh giá, nghiên cứu toàn diện hoặc nhiều khía cạnh nội dung, nghệ thuật của thơ Tố Hữu: phong cách nghệ thuật, tính dân tộc, ngôn ngữ, nhạc điệu... Tuy vậy, ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu cho đến nay chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ. Do vậy, đề tài mà luận văn lựa chọn sẽ cố gắng tập trung vào hướng khảo sát còn để ngỏ này.

2. Lịch sử vấn đề

Trong dòng chảy của thơ ca Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, ẩn dụ tu từ đã góp phần tạo nên những nét độc đáo trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Phải kể tới sự đóng góp của nghệ sĩ dân gian trong ca dao - dân ca, Nguyễn Du trong Truyện Kiều, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Bính, Xuân Diệu hay Chế Lan trong thơ, đặc biệt là Tố Hữu.

Hơn nửa thế kỉ qua, thơ Tố Hữu trở thành một hiện tượng, một đối tượng nghiên cứu lớn của giới học thuật, thu hút hầu hết các nhà nghiên cứu, phê bình có tên tuổi như: Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Lê Đình Kỵ, Hà Minh Đức, Phan Cự Đệ, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Đình Sử, các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông... Từ những góc độ tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu đều thống nhất đánh giá: Tố Hữu là một phong cách lớn, thơ Tố Hữu có giá trị đặc sắc trong sự phát triển của nền văn học dân tộc.

Ngoài những nghiên cứu ở góc độ phê bình văn học, thơ Tố Hữu được nghiên cứu từ góc độ ngôn ngữ học. Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu thi pháp thơ Tố Hữu, tính dân tộc trong nghệ thuật biểu hiện, cách sử dụng ngôn ngữ, xây dựng hình ảnh...

Trong "*Phong cách nghệ thuật của thơ Tố Hữu*", Nguyễn Văn Hạnh có viết "Đọc thơ anh thoáng qua dễ không thấy hết được những phát hiện mới mẻ, độc đáo. Ít thấy kỹ thuật. Thậm chí có những cái quen thuộc, "chung chung", gần "mòn", "cũ" (...). Nó có chỗ mạnh của nó. Đó cũng là một trong những chỗ mạnh của văn học dân gian" [23, tr. 843].

Lê Đình Ky đã khẳng định tính dân tộc đậm đà trong thơ Tố Hữu qua cách sử dụng ẩn dụ trong thơ: "Tố Hữu cũng sử dụng rộng rãi lối ví von rất quen thuộc của ca dao (...). Thông thường thì là ví von gián tiếp hơn, theo lối mà ngày nay chúng ta gọi là ẩn dụ, nhưng ý vị và cấu trúc thì vẫn rất gần với ca dao" [38, tr. 801].

Trong cuốn "*Những thế giới nghệ thuật thơ*", Trần Đình Sử có nhận xét về thế giới ngôn từ trong thơ Tố Hữu: "Xét về ngôn từ thơ Tố Hữu là cả một thế giới bùng cháy, tỏa sáng, nảy nở tốt cùng, dâng hiến tốt độ (...). Hệ thống hình ảnh ngôn từ ấy làm cho thơ Tố Hữu thực sự là tiếng thơ nóng bỏng, sáng ngời, bay bổng, nhiệt huyết" [51, tr. 187]. Cũng trong bài viết này, tác giả khẳng định "Ngôn từ thơ Tố Hữu mang tính chất hiện thực và cổ điển" [51, tr. 188].

Khảo sát ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu là hướng đi tiếp nối những công trình đi trước nhằm tìm ra những nét mới mẻ và độc đáo trong thế giới nghệ thuật của người nghệ sĩ cách mạng.

3. Phạm vi nghiên cứu

Tập Thơ Tố Hữu (NXB Văn hóa - thông tin, HN - 2002) gồm các tập thơ: *Từ ấy* (1946); *Việt Bắc* (1954); *Gió lộng* (1961); *Ra trận* (1962-1971); *Máu và Hoa* (1977); *Một tiếng đờn* (1992); *Ta với Ta* (1999). Tất cả tập sách gồm 7 tập thơ với 284 bài thơ.

Nghiên cứu hiện tượng ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Thi pháp học thể loại: vận dụng thi pháp thể loại (thơ trữ tình)

4.2. Phương pháp thống kê: Thống kê số lượng ẩn dụ tu từ được sử dụng trong các tập thơ của Tố Hữu. Kết quả thống kê sẽ được phân loại phục vụ cho việc nghiên cứu định lượng, miêu tả và bàn luận cụ thể về ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu.

4.3. Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân tích đặc điểm từng kiểu loại ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu. Trên cơ sở đó đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát những nét độc đáo về nghệ thuật sử dụng ngôn từ của nhà thơ trong việc xây dựng các hình tượng nghệ thuật.

4.4. Phương pháp so sánh đối chiếu: Luận văn so sánh cách sử dụng ẩn dụ tu từ qua các tập thơ của Tố Hữu để làm nổi bật nét mới của các ẩn dụ tu từ trong quá trình sáng tác của Tố Hữu.

5. Đóng góp của luận văn

5.1. Về lý luận: Nghiên cứu ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu góp phần làm sáng tỏ những nét độc đáo trong phong cách thơ Tố Hữu nhằm khẳng định tài năng "lá cờ đầu của thơ ca cách mạng". Đồng thời, xác định giá trị của phương tiện tu từ này trong sự phát triển của thơ ca đương đại.

5.2. Về thực tiễn: Từ việc khẳng định những đặc sắc của ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu, thấy được những kinh nghiệm nghệ thuật của nhà thơ như một truyền thống hòa nhập vào thơ ca đương đại. Nó còn góp phần thúc đẩy việc tìm hiểu tác phẩm văn học dựa trên mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, nhất là con đường tiếp cận ngôn ngữ tác phẩm ở cấp độ từ ngữ.

6. Cấu trúc của luận văn

- Ngoài phần mở đầu, kết luận, thư mục, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý thuyết: Những vấn đề liên quan đến nội dung luận văn.

Chương 2: Đặc điểm ẩn dụ tu từ trong thơ Tố Hữu.

Chương 3: Chức năng của ẩn dụ trong thơ Tố Hữu.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT: NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN VĂN

1.1. KHÁI NIỆM VỀ ẨN DỤ

1.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu ẩn dụ

Vấn đề ẩn dụ luôn được đặt ra và nghiên cứu từ nhiều cấp độ khác nhau của truyền thống học thuật riêng biệt như các học thuyết của triết học, tâm lý học, phong cách học, ngôn ngữ học và gần đây là dụng học và ngôn ngữ học tri nhận. Trong các công trình nghiên cứu thuộc về ngôn ngữ học truyền thống, ẩn dụ thường chỉ chiếm một vị trí khiêm tốn trong phần từ vựng học và tu từ học với quan điểm coi nó là một phương thức phát triển nghĩa mới của từ (ẩn dụ từ vựng) hoặc là một biện pháp tu từ (ẩn dụ tu từ).

Lý thuyết về ẩn dụ có một lịch sử lâu dài và đầy sóng gió, bắt đầu từ triết học thời Hi Lạp cổ đại với tên tuổi của triết gia Aristotle - một trong những người thầy triết học. Ông đã xem ẩn dụ là hình thức trang trí trong ngôn ngữ nghệ thuật và hùng biện bằng phương thức chuyển nghĩa từ giống đến loài, từ loài sang giống hoặc dựa trên cơ sở tương tự.

Ở Trung Hoa cổ đại, trong các công trình nghiên cứu của các học giả, ẩn dụ thể hiện qua khái niệm tỉ (chỉ cách ví von, bóng gió) và ẩn chứa trong lời diễn khởi đầu của các bài dân ca sau này được ghi lại trong tác phẩm Kinh Thi nổi tiếng.

Thời hiện đại, ẩn dụ cũng xuất hiện trong nhiều công trình nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ trên thế giới như R. Jakobson, J. Cohen, P. Ricoeur, Samuel Levin và sau này là G. Lakoff và Mark Turner,... ở những góc độ nghiên cứu khác nhau.

Ở Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu đáng chú ý về ẩn dụ của các nhà Việt ngữ học, các nhà nghiên cứu văn học. Đáng chú ý là các công trình nghiên cứu của Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thiện Giáp, Nguyễn Văn Tu, Đinh Trọng Lạc, Cù Đình Tú, Nguyễn Thái Hòa, Nguyễn Đức Tồn, ...

1.1.2. Các quan niệm về ẩn dụ

1.1.2.1. Ẩn dụ là một phương thức chuyển nghĩa của từ

Ẩn dụ là nét độc đáo của ngôn ngữ tự nhiên. Ẩn dụ được nghiên cứu trong rất nhiều lĩnh vực theo những góc độ và những cách thức khác nhau. Trên thế giới, người đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống về ẩn dụ là Aristotle trong cuốn *Thi học*. Trong tác phẩm này, Aristotle đã nói rằng ẩn dụ là sự áp dụng cho một sự vật nào đó một cái tên mà cái tên này vốn thuộc về một sự vật khác hoặc là từ loại cho đến chủng hoặc từ chủng cho đến loại, từ loại nhỏ sang loại nhỏ khác dựa vào sự đồng dạng. Aristotle đã phát biểu lý thuyết về phép so sánh rút gọn, lý thuyết về bản chất so sánh rút gọn của ẩn dụ. Theo đó, ẩn dụ được xem như một phần so sánh được rút gọn bằng cách loại bỏ từ so sánh "như là", "là" v.v... Chẳng hạn, theo Aristotle, ẩn dụ *người là chó sói* là một phép rút gọn từ một phép so sánh *người giống như là một con chó sói* (so sánh trong tiếng Việt: *mặt hoa* là rút gọn từ phép so sánh: *Mặt (người) tươi như hoa*).

Trong các sách nghiên cứu ẩn dụ trong và ngoài nước, cho đến nay, ẩn dụ thường được coi là cách thức chuyển đổi tên gọi dựa trên sự so sánh ngầm giữa hai sự vật có sự tương đồng hay giống nhau. Theo A.A.Refor-matxkij thì "ẩn dụ theo nghĩa chiết tự là "sự chuyển đổi", là trường hợp chuyển nghĩa điển hình nhất. Sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ dựa trên sự giống nhau của các sự vật về màu sắc, hình thức, đặc tính vận động v.v..." [Dẫn theo 59, tr. 1]. Theo Ju. X. Xtepanov thì "Bản thân từ Meta phora từ tiếng Hy Lạp cũng có nghĩa là "sự chuyển nghĩa" và " khi một từ, tuy vẫn còn liên hệ với biểu vật mới, thì hiện tượng ngôn ngữ đó là ẩn dụ" [Dẫn theo 60, tr. 1].

Các nhà ngôn ngữ học trong nước cũng có quan điểm tương tự. Nguyễn Văn Tu cho rằng:

Ẩn dụ là phép gọi tên một sự vật bằng tên gọi của một sự vật khác theo mối quan hệ gián tiếp. Muốn hiểu được mối quan hệ đó chúng ta phải so sánh ngầm. Khác với hoán dụ, phép ẩn dụ, theo tương tượng của ta mà gọi một sự vật chỉ có vài dấu hiệu chung với sự vật mà từ biểu thị trước thôi. Chính nhờ những dấu hiệu chung gián tiếp ấy mà ta thấy mối quan hệ giữa các vật khác nhau [63, tr. 159].

Đỗ Hữu Châu cũng quan niệm: "Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên gọi của một sự vật hiện tượng khác, giữa chúng có mối quan hệ tương đồng". [7, tr. 54]. Sau này, trong công trình Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Đỗ Hữu Châu giải thích một cách cụ thể hơn: "Cho A là một hình thức ngữ âm, X và Y là những ý nghĩa biểu vật. A vốn là tên gọi của X (tức X là ý nghĩa biểu vật chính của A). Phương thức ẩn dụ là phương thức lấy tên gọi A của X để gọi tên Y (để biểu thị Y), nếu như X và Y có nét nào đó giống nhau" [8, tr. 145].

Nguyễn Thiện Giáp cho rằng: "Ẩn dụ là sự chuyển đổi tên gọi dựa vào sự giống nhau giữa các sự vật hoặc hiện tượng được so sánh với nhau" [21, tr. 162].

Đào Thản đã giải thích khá rõ ràng, cụ thể khái niệm ẩn dụ trong mối quan hệ với sự so sánh: "Ẩn dụ cũng là một lối so sánh dựa trên sự giống nhau về hình dáng, màu sắc, tính chất, phẩm chất, hoặc chức năng của hai đối tượng. Nhưng khác với so sánh dùng lối song song hai phần đối tượng và phần so sánh bên cạnh nhau, ẩn dụ chỉ giữ lại phần để so sánh" [53, tr. 143].

Theo quan điểm của Nguyễn Đức Tồn thì bản chất của ẩn dụ là: "phép thay thế tên gọi hoặc chuyển đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng khác loại dựa trên cơ sở sự liên tưởng đồng nhất hóa chúng theo đặc điểm, thuộc tính nào đó cùng có ở chúng" [61, tr. 8].